

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT
Ngày: 09-01-2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 399/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội;

Địa chỉ: Số 169, phố C, phường H, quận K, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Đ – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện G (Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Nguyễn Văn Q - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện G (Theo Giấy ủy quyền số 16/UQ-PGD ngày 17/01/2019) (xin vắng mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974; (có mặt)

2. Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1978; (xin vắng mặt)

Anh H và chị H1 cùng địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1928; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Huỳnh Đ, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã PT, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 06/8/2010, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện G có phê duyệt cho hộ anh Nguyễn Ngọc H vay số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6000005900045153 với lãi suất 0.25%/tháng, hạn trả nợ cuối là ngày 17/7/2020 với mục đích xây dựng nhà ở thuộc chương trình vay hộ nghèo. Theo nội dung hợp đồng này, hộ vay sẽ trả nợ gốc 06 tháng 01 lần với số tiền 800.000 đồng và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 17/02/2016. Đến thời điểm hiện tại, hộ anh Nguyễn Ngọc H vẫn chưa thực hiện như thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng; hiện hộ anh H vẫn còn nợ số tiền gốc 8.000.000 đồng và tiền lãi 96.578 đồng.

Ngày 29/5/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện G có phê duyệt cho hộ anh H vay số tiền 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000707610480 với lãi suất 0,65%/tháng, hạn trả nợ cuối ngày 17/5/2016 với mục đích chăn nuôi dê sinh sản thuộc chương trình vay hộ nghèo. Theo nội dung hợp đồng tín dụng này, hộ vay sẽ trả nợ gốc 12 tháng 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng và thực hiện trả lãi hàng tháng kể từ ngày 17/5/2015. Đến thời điểm hiện tại, hộ anh H vẫn chưa thực hiện như thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng; hiện hộ anh H vẫn còn nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 660.744 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu anh H và chị Đặng Thị H1 trả số tiền gốc 28.000.000 và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ (lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 660.744 đồng).

- *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Anh H thống nhất với ngân hàng về số tiền mà anh H đã vay là 28.000.000 đồng theo hai hợp đồng tín dụng là 6000005900045153 và 6600000707610480; hiện anh H còn nợ lại lãi của hai hợp đồng tín dụng nêu trên đến thời điểm xét xử là 660.744 đồng. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh H xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Bị đơn chị Đặng Thị H1 trình bày:*

Trong thời gian chị H1 đi Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, anh H đáo hạn ngân hàng để vay số tiền 20.000.000 đồng với mục đích chăn nuôi, chị H1 không biết. Khi chị H1 đi làm từ thành phố về thì có nghe anh H vay tiền để mua dàn karaoke, chị H1 không thấy số tiền gì từ việc vay. Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà Ngân hàng yêu cầu trả, đây là số tiền vay để xây nhà theo chủ trương 167. Chị H1 có hỏi anh H thì được biết số tiền này Nhà nước cho, không đòi lại. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả 8.000.000 đồng là không đúng quy định.

- Bản án sơ thẩm số: 30/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H và chị Đặng Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vốn gốc 28.000.000 và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng (lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 660.744 đồng). Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội với bà Nguyễn Kim L và anh Nguyễn Huỳnh Đ.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/6/2019, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa phúc thẩm bác bỏ đơn khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày năm 2010 anh có đại diện hộ vay 8.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách-phòng giao dịch huyện G theo hợp đồng tín dụng số 6000005900045153 để xây nhà ở theo quyết định 167 của Chính phủ thời hạn vay là 10 năm, anh đã trả lãi đầy đủ, thời hạn vay chưa hết. Năm 2014, anh cũng đại diện hộ ký hợp đồng tín dụng 6600000707610480 vay 20.000.000 đồng của Ngân hàng để chăn nuôi dê, thời hạn vay là 2 năm, anh đã trả lãi hàng tháng đầy đủ, không vi phạm hợp đồng. Ngân hàng cũng không lần nào thông báo cho anh trả vốn, nay yêu cầu anh trả một lần anh không có khả năng. Do đó, anh yêu cầu Tòa phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh và vợ anh chị Đặng Thị H1 trả 28.000.000 đồng như án sơ thẩm đã xử mà đề nghị cho anh được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, hoặc 06 tháng trả 7-8 triệu đồng để anh có thời gian sắp xếp trả nợ.

Anh Nguyễn Văn Q là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị Tòa phúc thẩm buộc anh H, chị H1 trả nợ một lần không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử buộc anh H và chị H1 trả cho Ngân hàng 28.000.000 đồng vốn gốc và lãi là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Ngọc H đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về tư cách người tham gia tố tụng, anh Nguyễn Văn Q làm đại diện cho nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là đúng với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 135, 138 của Bộ luật dân sự. Nhưng anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với bị đơn Đặng Thị H1 cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bà Nguyễn Kim L, anh Nguyễn Huỳnh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do Tòa sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà L, anh Đ và bà L, anh Đ cũng không có kháng cáo nên việc vắng mặt 02 người này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi những người khác trong vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H1, bà L, anh Đ và anh Q.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng với tính chất của vụ án mà nguyên đơn yêu cầu giải quyết được quy định tại các Điều 11, 280, 351, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91, 94 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về nội dung tranh chấp: Phía nguyên đơn cho rằng anh H có ký hai hợp đồng vay nợ với Ngân hàng. Hợp đồng thứ nhất ký vào ngày 17/8/2010 vay 8.000.000 đồng để xây dựng nhà ở, thời hạn vay 10 năm, hạn trả nợ cuối cùng 17/7/2020, lãi 0,25%/tháng trả định kỳ vào ngày 17, trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên ký thỏa thuận 06 tháng trả nợ gốc 800.000 đồng, kỳ đầu tiên trả vào ngày 17/01/2016. Hợp đồng thứ hai ký vào ngày 23/5/2014 vay 20.000.000 đồng để chăn nuôi, thời hạn 02 năm, kỳ trả nợ gốc 12 tháng/lần 10.000.000 đồng, hạn cuối cùng là 17/5/2016. Sau khi hết hạn anh H xin vay lưu vụ tiếp số tiền này và hạn trả cuối cùng là 04/6/2018. Anh H tuy trả lãi nhưng không thực hiện trả vốn như thỏa thuận nên phía Ngân hàng yêu cầu vợ chồng

anh H trả 28.000.000 đồng tiền vốn vay của hai hợp đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 11/6/2019 của hai khoản vay là 660.744 đồng.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc anh H và chị H1 có nghĩa vụ trả cho ngân hàng 28.000.000 đồng vốn và lãi 660.744 đồng. Sau khi xử anh H kháng cáo.

[4] Xét nội dung đơn kháng cáo và lời trình bày của anh H tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy: Anh H thừa nhận có ký hai giấy đề nghị vay tiền và anh có nhận 28.000.000 đồng vốn như phía nguyên đơn trình bày và có thỏa thuận trả nợ gốc của hai hợp đồng theo từng kỳ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh chỉ đóng tiền lãi, còn tiền gốc anh chưa thanh toán. Hiện anh thống nhất vẫn còn nợ ngân hàng 28.000.000 đồng, anh đã trả lãi đến tháng 01/2019, lãi tạm tính đến tháng 6/2019 của hai hợp đồng là 660.744 đồng. Theo hợp đồng vay năm 2010 với số tiền 8.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/7/2020 nhưng mới đến đầu tháng 10/2018 thì Ngân hàng đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu anh H, chị H1 phải trả nợ gốc và lãi. Đối với hợp đồng vay năm 2014 số tiền 20.000.000 đồng, anh đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh khó khăn anh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét lời trình bày của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay năm 2010 tuy chưa hết hạn (Bút lục 47), nhưng tại sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay thu nợ, dư nợ (Bút lục 46) thể hiện hai bên thỏa thuận kỳ trả nợ gốc 06 tháng một lần 800.000 đồng và kỳ trả đầu tiên là ngày 17/01/2016, anh H đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận vi phạm Điều 282 Bộ luật dân sự nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H thống nhất trả nợ, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ý kiến của anh H không được phía ngân hàng đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận được yêu cầu kháng cáo của anh H.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ vay: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng chính sách xã hội huyện G duyệt ngày 24/5/2010 thì người vay là anh Nguyễn Ngọc H còn người thừa kế là chị Đặng Thị H1 cùng ký tên và điểm chỉ. Còn giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng chính sách xã hội huyện G duyệt ngày 23/5/2014 (Bút lục 47 và 49) thì chỉ có người vay là anh H ký tên. Tuy nhiên, mục đích anh H vay vốn 20.000.000 đồng là để chăn nuôi dê sinh sản làm kinh tế cho gia đình và thực tế anh H khai có mua dê nuôi nhưng do dịch bệnh thất bại. Mặc dù chị H1 không đứng tên vay, không là người thừa kế của khoản vay này nhưng tiền vay anh huỳnh dùng vào việc làm kinh tế cho gia đình mà chị H1 là vợ anh H nên phải có nghĩa vụ liên đới với anh H trả nợ vay cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 101, 103, 288 của Bộ luật dân sự và Điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc anh H, chị H1 liên đới trả hai khoản vay cho Ngân hàng là có cơ sở.

[6] Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm không xác định nghĩa vụ của chị H1 được pháp luật quy định như thế nào mà buộc chị H1 phải liên đới trả nợ với anh H là thiếu căn cứ. Mặt khác, anh H vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội để làm kinh

tế gia đình thì phải chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, việc trả nợ vay thời hạn trả nợ và lãi suất đều phải thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và điều lệ về tổ chức hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội mới đúng nhưng Tòa sơ thẩm lại áp dụng Bộ luật dân sự buộc bị đơn trả nợ làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải chỉnh sửa bổ sung một phần quyết định án sơ thẩm về nội dung này cho phù hợp với luật định.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, các đương sự chịu án phí theo quy định.

Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc H.

Sửa một phần quyết định án sơ thẩm số 30/2019/DS-ST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, 101, 103, 280, 282, 288, 351, 352, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc H và chị Đặng Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vốn gốc 28.000.000 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng (lãi tạm tính đến ngày 11/6/2019 là 660.744 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được Ngân hàng phê duyệt ngày 24/5/2010 và ngày 23/5/2014 cho đến khi trả xong các khoản nợ vay cho Ngân hàng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội với bà Nguyễn Kim L và anh Nguyễn Huỳnh Đ.

3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Ngọc H và chị Đặng Thị H1 phải liên đới chịu 1.433.037 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 49146 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải